

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ chín tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 9 năm 2024





**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Mai Kiều Liên Ông Nguyễn Hồng Bách Ông Lê Thành Liêm Ông Đỗ Hoàng Phúc Ông Đoàn Quốc Khánh Ông Trịnh Phương Nam	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 23/4/2024) Thành viên (đến ngày 23/4/2024)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đoàn Quốc Khánh Ông Nguyễn Đức Nam Ông Trần Chí Sơn	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2024)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Trần Thái Thoại Trân Bà Hà Thị Diệu Thu Ông Trịnh Công Sơn Ông Trương Anh Vũ	Trưởng ban (từ ngày 23/4/2024) Trưởng ban (đến ngày 23/4/2024) Thành viên Thành viên
<b>Trụ sở đăng ký</b>	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 3 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/9/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>287.985.825.407</b>	<b>1.087.144.663.626</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>82.992.452.634</b>	<b>618.962.235.939</b>
Tiền	111		17.992.452.634	92.062.235.939
Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	526.900.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>159.000.000.000</b>	<b>270.100.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	159.000.000.000	270.100.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.365.801.735</b>	<b>189.499.839.279</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	2.513.611.469	2.035.948.436
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	18.684.500.673	187.858.182.045
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	6.614.164.593	3.565.783.798
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(5.446.475.000)	(3.960.075.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.870.000</b>	<b>37.870.000</b>
Hàng tồn kho	141		37.870.000	37.870.000
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.589.701.038</b>	<b>8.544.718.408</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		184.123.921	70.451.015
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.578.755.409	4.262.889.860
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17(a)	13.826.821.708	4.211.377.533

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>3.765.872.463.497</b>	<b>2.172.193.736.583</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.479.885.776</b>	<b>7.293.803.865</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	6.413.238.687	7.165.761.278
Nguyên giá	222		52.163.271.431	52.163.271.431
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.750.032.744)	(44.997.510.153)
Tài sản cố định vô hình	227		66.647.089	128.042.587
Nguyên giá	228		686.582.000	686.582.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(619.934.911)	(558.539.413)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>969.670.209.485</b>	<b>121.179.086.173</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	969.670.209.485	121.179.086.173
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(b)</b>	<b>2.789.572.932.435</b>	<b>2.043.505.433.408</b>
Đầu tư vào công ty con	251		2.623.904.636.965	1.872.011.636.965
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		238.833.528.842	238.833.528.842
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.294.812.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(95.460.045.699)	(97.101.644.726)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>149.435.801</b>	<b>215.413.137</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		149.435.801	215.413.137
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4.053.858.288.904</b>	<b>3.259.338.400.209</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



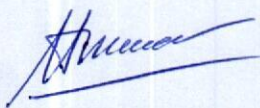
**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>1.125.475.499.189</b>	<b>277.090.989.534</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.125.475.499.189</b>	<b>277.090.989.534</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	92.338.964.941	27.010.706.306
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.469.893.000	1.469.893.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	3.751.926.929	3.042.292.002
Phải trả người lao động	314		1.178.250.442	1.164.592.012
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		261.361.998	270.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	977.240.008.632	193.224.868.189
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	2.404.688.640	2.232.994.560
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	46.830.404.607	48.675.643.465
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.928.382.789.715</b>	<b>2.982.247.410.675</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>2.928.382.789.715</b>	<b>2.982.247.410.675</b>
Vốn cổ phần	411	22	2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		396.702.829.230	396.702.829.230
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	80.559.835.691	96.318.310.288
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		326.204.014.794	364.310.161.157
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		252.573.669.152	230.363.127.084
- LNST năm nay	421b		73.630.345.642	133.947.034.073
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.053.858.288.904</b>	<b>3.259.338.400.209</b>

Ngày 29 tháng 10 năm 2024

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024**

**Mẫu B 02a- DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2024	VND	30/9/2024	VND
01	25	1.029.368.351	1.052.959.427	2.929.571.183	2.920.385.864
11	26	667.683.422	661.755.557	1.859.101.851	1.836.249.575
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>					
20		361.684.929	391.203.870	1.070.469.332	1.084.136.289
21	27	18.093.038.807	8.060.983.477	93.442.409.721	101.604.359.158
22	28	(1.628.714.378)	(260.340.186)	(1.641.599.027)	(129.349.148)
26	29	7.429.813.577	4.759.547.201	21.170.127.110	19.450.920.533
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>					
30		12.653.624.537	3.952.980.332	74.984.350.970	83.366.924.062
31	30	331.373.295	260.418.727	1.135.447.535	1.027.959.008
32	31	121.446.066	272.266.545	596.740.350	1.985.082.829
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>					
40		209.927.229	(11.847.818)	538.707.185	(957.123.821)
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>					
50		12.863.551.766	3.941.132.514	75.523.058.155	82.409.800.241
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>					
51	33	1.892.712.513	-	1.892.712.513	-
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>					
52	33	-	-	-	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a- DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/9/2024 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2024 VND
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	10.970.839.253	73.630.345.642
			82.409.800.241

Ngày 29 tháng 10 năm 2024

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024  
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2024 VND	30/9/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>75.523.058.155</b>	<b>82.409.800.241</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	813.918.089	1.012.685.183
Các khoản dự phòng	03	16.495.249	42.345.128
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(93.442.409.721)	(101.156.977.251)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(17.088.938.228)</b>	<b>(17.692.146.699)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	157.776.537.673	4.676.030.835
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(166.310.367.144)	19.790.932.871
Biến động chi phí trả trước	12	(47.695.570)	159.543.576
		<b>(25.670.463.269)</b>	<b>6.934.360.583</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.714.540.315)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.845.238.858)	(2.042.588.972)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(33.230.242.442)</b>	<b>4.891.771.611</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(682.810.557.896)	(19.072.302.137)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	722.483.254.436	204.545.455
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(180.000.000.000)	(300.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	291.100.000.000	760.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(751.893.000.000)	(351.900.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.334.764.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	75.045.998.597	103.214.639.433
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(502.739.540.863)</b>	<b>192.446.882.751</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024**  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

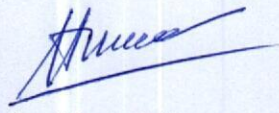
**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2024 VND	30/9/2023 VND
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	562.036.132.199
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	-	562.036.132.199
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(535.969.783.305)	759.374.786.561
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	618.962.235.939	26.073.122.145
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	82.992.452.634	785.447.908.706

Ngày 29 tháng 10 năm 2024

Người lập:

  
Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người soát xét:

  
Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

  
Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 11 năm 2023.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2024: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tổng Công ty có 34 nhân viên (1/1/2024: 33 nhân viên).



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 9.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                                   |            |
|-----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa và vật kiến trúc        | 5 – 30 năm |
| ▪ Máy móc và thiết bị             | 5 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng              | 3 – 8 năm  |

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của công ty mẹ.

**(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/9/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.612.712	4.488.719
Tiền gửi ngân hàng	17.989.839.922	92.057.747.220
Các khoản tương đương tiền	65.000.000.000	526.900.000.000
	<hr/>	<hr/>
	82.992.452.634	618.962.235.939
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/9/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	159.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	210.100.000.000
	<hr/>	<hr/>
	159.000.000.000	270.100.000.000
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Đầu tư tài chính dài hạn**

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/9/2024		Giá trị hợp lý VND
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>‘ông ty con</b>							
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	1.479.153.000.000	-	(**)
					2.623.904.636.965	-	
<b>‘ông ty liên kết</b>							
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(**)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(25.818.903.752)	(**)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(42.731.746.312)	(**)
					238.833.528.842	(73.165.233.372)	
<b>Đơn vị khác</b>							
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
					22.294.812.327	(22.294.812.327)	
					2.885.032.978.134	(95.460.045.699)	



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**1/1/2024**

Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>ầu tư góp vốn vào:</b>						
<b>ông ty con</b>						
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	-	51,00%	51,00%	727.260.000.000	-	(**)
				<b>1.872.011.636.965</b>		
<b>ông ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(**)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(27.580.785.059)	(**)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(42.611.464.032)	(**)
				<b>238.833.528.842</b>	<b>(74.806.832.399)</b>	
<b>ơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(**)
	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
				<b>29.761.912.327</b>	<b>(22.294.812.327)</b>	
				<b>2.140.607.078.134</b>	<b>(97.101.644.726)</b>	



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (\*\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch thấp cho các khoản đầu tư này, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Trong kỳ Tổng công ty đã thoái vốn khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt.

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/9/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	489.192.018	177.277.680
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	87.665.490	139.955.959
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.447.707.441	1.269.707.441
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	250.046.520	210.007.356
	<b>2.513.611.469</b>	<b>2.035.948.436</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/9/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Maeda Việt Nam (*)	8.709.498.651	122.195.632.115
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng (*)	-	25.867.523.065
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt (*)	-	20.949.748.627
Công ty Cổ phần Công nghệ SMOSA Việt Nam (*)	4.799.045.762	13.706.216.084
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.454.881.260	1.417.987.154
	<hr/>	<hr/>
	18.684.500.673	187.858.182.045
	<hr/>	<hr/>

(\*) Đây là khoản tiền tạm ứng liên quan đến Dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối (“Dự án Tam Đảo”) tại Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc.

**12. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/9/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.714.136.987	1.185.389.863
Phải thu người lao động	814.588.658	623.112.310
Phải thu khác	1.556.638.948	1.228.481.625
	<hr/>	<hr/>
	6.614.164.593	3.565.783.798
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/9/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND
				Dự phòng VND
				Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ khó có khả năng thu hồi</b>				
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	3.721.075.000
Công ty Cổ Phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	1.486.400.000	(1.486.400.000)		1.486.400.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	(239.000.000)	-	239.000.000
	<b>5.446.475.000</b>	<b>(5.446.475.000)</b>	<b>-</b>	<b>5.446.475.000</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(5.446.475.000)

(3.960.075.000)



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	45.411.891.461	1.649.915.378	4.775.363.138	326.101.454	52.163.271.431
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	39.671.999.180	1.468.704.160	3.530.705.359	326.101.454	44.997.510.153
Khấu hao trong kỳ	447.770.720	40.778.793	263.973.078	-	752.522.591
Số dư cuối kỳ	40.119.769.900	1.509.482.953	3.794.678.437	326.101.454	45.750.032.744
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	5.739.892.281	181.211.218	1.244.657.779	-	7.165.761.278
Số dư cuối kỳ	5.292.121.561	140.432.425	980.684.701	-	6.413.238.687

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 có tài sản có nguyên giá 28.719 triệu VND (1/1/2024: 29.654 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	121.179.086.173	10.271.530.741
Tăng trong kỳ	848.491.123.312	22.439.971.538
Số dư cuối kỳ	969.670.209.485	32.711.502.279

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án bò thịt Tam Đảo	910.365.940.258	85.652.152.713
Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên	56.639.614.682	32.862.278.915
Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Vilico Tower	2.664.654.545	2.664.654.545
	969.670.209.485	121.179.086.173

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	1.359.900	1.359.900
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	-	22.922.737.736
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	3.476.303.218	2.560.507.506
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng thương mại Đại Dũng	66.345.404.228	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	17.452.220.612	-
Các bên khác	5.063.676.983	1.526.101.164
	92.338.964.941	27.010.706.306



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phải thu/ (phải nộp) trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/9/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.782.061.680	5.111.434.985	-	6.893.496.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.176.384.728	5.714.540.315	-	6.890.925.043
Các loại thuế khác	1.252.931.125	-	(1.210.531.125)	42.400.000
	4.211.377.533	10.825.975.300	(1.210.531.125)	13.826.821.708

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/9/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.183.829.839	2.950.427.510	(5.111.434.985)	22.822.364
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.892.712.513	-	1.892.712.513
Thuế thu nhập cá nhân	201.683.155	676.030.796	(736.270.334)	141.443.617
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.779.008	5.631.981.491	(4.593.812.064)	1.694.948.435
	3.042.292.002	11.151.152.310	(10.441.517.383)	3.751.926.929

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhận tiền tạm ứng từ		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (*)	843.645.623.547	177.949.005.870
Kinh phí công đoàn	60.794.050	153.579.880
Nhận kí quỹ, kí cược ngắn hạn	202.000.000	43.300.000
Cổ tức phải trả	127.663.386.330	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.668.204.705	15.078.982.439
	977.240.008.632	193.224.868.189



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Theo thỏa thuận khung về đầu tư được ký kết ngày 5 tháng 9 năm 2022 giữa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP, Sojitz Corporation (Nhà đầu tư của Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật), Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty), và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (công ty con của Tổng Công ty), Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP sẽ là chủ đầu tư của Dự án Tam Đảo. Trong giai đoạn đầu tư tiếp theo, sau khi việc xây dựng Dự án Tam Đảo được hoàn thành và đáp ứng đủ điều kiện để chuyển nhượng, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP dự kiến chuyển nhượng Dự án Tam Đảo cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Phần vốn góp để thực hiện dự án là phần vốn góp chung của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Đây là khoản tiền Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật tạm ứng trước theo thỏa thuận cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP để thực hiện Dự án.

**19. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	48.675.643.465	42.415.252.858
Trích lập trong kỳ	-	4.120.490.012
Sử dụng trong kỳ	(1.845.238.858)	(2.042.588.974)
Số dư cuối kỳ	46.830.404.607	44.493.153.896



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	1.723.461.730.000	236.741.977.230	80.559.835.691	333.770.830.884	2.374.534.373.805
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	82.409.800.241	82.409.800.241
Tăng vốn trong kỳ	401.454.380.000	160.581.752.000	-	-	562.036.132.000
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.240.980.024	(8.240.980.024)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.120.490.013)	(4.120.490.013)
Cổ tức	-	-	-	(103.407.703.800)	(103.407.703.800)
<b>Số dư tại ngày 30/9/2023</b>	2.124.916.110.000	397.323.729.230	88.800.815.715	300.411.457.288	2.911.452.112.233
<b>Số dư tại ngày 1/1/2024</b>	2.124.916.110.000	396.702.829.230	96.318.310.288	364.310.161.157	2.982.247.410.675
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	73.630.345.642	73.630.345.642
Điều chỉnh giảm quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 23)	-	-	(15.758.474.597)	15.758.474.597	-
Cổ tức khác	-	-	-	(127.494.966.600)	(127.494.966.600)
				(2)	(2)
<b>Số dư tại ngày 30/9/2024</b>	2.124.916.110.000	396.702.829.230	80.559.835.691	326.204.014.794	2.928.382.789.715



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/9/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Trong năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc không trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2023, do đó, ban lãnh đạo Tổng Công ty đã hoàn nhập phần tạm trích Quỹ đầu tư phát triển trong năm 2023.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/9/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	10.241.827.345	2.889.277.638
Từ hai đến năm năm	34.970.241.604	9.221.817.941
Trên năm năm	264.134.649.043	32.119.055.327
	<hr/>	<hr/>
	309.346.717.992	44.230.150.906
	<hr/>	<hr/>

**25. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ chín tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2024</b>	<b>30/9/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cung cấp dịch vụ	2.929.571.183	2.920.385.864
	<hr/>	<hr/>

**26. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp**

	<b>Kỳ chín tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2024</b>	<b>30/9/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.859.101.851	1.836.249.575
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Cổ tức được chia	67.029.971.000	65.229.971.000
Lãi tiền gửi và cho vay	26.412.438.721	36.374.388.158
	<hr/>	<hr/>
	93.442.409.721	101.604.359.158

**28. Chi phí tài chính**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Dự phòng đầu tư tài chính	(1.641.599.027)	(129.349.148)
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.510.832.422	7.182.646.688
Chi phí khấu hao	333.993.573	342.259.201
Thuế, phí và lệ phí	6.951.682.298	2.007.490.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.376.092.745	3.267.916.201
Chi phí bằng tiền khác	2.997.526.072	6.650.607.842
	<hr/>	<hr/>
	21.170.127.110	19.450.920.533

**30. Thu nhập khác**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	204.545.455
Thu nhập khác	1.135.447.535	823.413.553
	<hr/>	<hr/>
	1.135.447.535	1.027.959.008



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Chi phí khác**

	<b>Kỳ chín tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2024</b>	<b>30/9/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	135.200.108	298.844.384
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	651.927.362
Chi phí khác	461.540.242	1.034.311.083
	<hr/>	<hr/>
	596.740.350	1.985.082.829
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ chín tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2024</b>	<b>30/9/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	7.510.832.422	7.182.646.688
Chi phí khấu hao	678.717.981	726.735.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.287.582.201	4.248.174.407
Chi phí khác	10.552.096.357	7.668.287.465
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.523.058.155	82.409.800.241
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	15.104.611.631	16.481.960.048
Chi phí không được khấu trừ	194.095.082	264.311.200
Thu nhập không bị tính thuế	(13.405.994.200)	(13.045.994.200)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(3.700.277.048)
	1.892.712.513	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	621.681.894	527.874.502
Cổ tức được chia	65.229.971.000	65.229.971.000
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	288.809.572	267.357.769
Góp vốn	751.893.000.000	351.900.000.000
Mua hàng hóa	63.023.108	-
Nhận tiền tạm ứng	665.696.617.677	22.972.868.736
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	1.800.000.000	-
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	675.000.000	769.230.770
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	468.000.000	468.000.000



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và các thuyết minh liên quan. Thông tin so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 và các thuyết minh liên quan. Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 lần lượt đã được kiểm toán và soát xét.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam  
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc